

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-ST

Ngày: 11-7-2019

V/v “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Văn Lộc;

Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị H, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Số 293, ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1950 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị E ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn X tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 18/4/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Cao Thị H trình bày:

Giữa vợ chồng bà với vợ chồng Ông Nguyễn Văn X và Bà Nguyễn Thị E là chỗ quen biết, thân thiết với nhau, do chồng bà là ông Trần Văn Đ với ông X chạy thân chung tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi vào năm 2014. Hai bên

bắt đầu giao dịch vay tiền từ năm 2015 và đã thanh toán nợ xong với nhau vào năm 2016.

Đến ngày 29/02/2017 (âm lịch), bà cho vợ chồng Ông Nguyễn Văn X và Bà Nguyễn Thị E vay số tiền 170.000.000 đồng, mục đích để ông X, bà E đáo hạn Ngân hàng. Bà cho ông X, bà E vay số tiền 170.000.000 đồng là vay 01 lần, không phải vay nhiều lần cộng lại. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất là bao nhiêu %/tháng nên khi bà viết giấy mượn tiền chỉ thể hiện nội dung “trong thời gian mượn mỗi tháng phải trả lãi”. Vì bà nghĩ khi đáo hạn Ngân hàng xong, ông X, bà E trả cho bà bao nhiêu tiền lãi thì trả nên bà không xác định mức lãi cụ thể. Giấy mượn tiền do bà viết và ông X, bà E ký tên vào, giấy do bà giữ. Ông X, bà E không giao cho bà giữ giấy tờ gì tại thời điểm vay. Về thời hạn trả tiền thì hai bên không thỏa thuận mà bà chỉ nói khi nào cần thì bà đòi lại.

Sau khi vay được thời gian hơn 01 tháng, ông X, bà E không liên lạc gì về việc trả tiền lãi và tiền gốc cho bà. Bà gọi điện thoại đòi thì bà E nói Ngân hàng không cho vay lại và nói với bà để hốt hụi sẽ trả. Nhưng thực tế, ông X, bà E không trả được cho bà số tiền vay gốc và lãi nào mà cứ hện hết lần này đến lần khác. Tại thời điểm này, bà cũng chỉ đòi tiền gốc, không yêu cầu trả lãi nên cũng không thống nhất lại với ông X, bà E về mức lãi suất.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông X và bà E trả lại cho bà số tiền vay gốc 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn – Ông Nguyễn Văn X đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Bà Nguyễn Thị E trình bày:

Ông thống nhất về thời gian hai bên bắt đầu giao dịch vay tiền với nhau và số tiền 170.000.000 đồng hai bên làm giấy mượn tiền vào ngày 29/02/2017 (âm lịch) như lời trình bày của Bà Cao Thị H.

Tuy nhiên, số tiền 170.000.000 đồng này, vợ chồng ông không phải vay 01 lần như bà H trình bày mà vay làm 04 lần, cụ thể như sau: lần 1 vay ngày 09/3/2016 số tiền 50.000.000 đồng, lần 2 vay ngày 27/7/2016 số tiền 50.000.000 đồng, hai lần này bà H không viết giấy mà ông là người viết giấy và giao cho bà H giữ một bản, vợ chồng ông giữ một bản; lần 3 vay ngày 29/6/2016 (âm lịch) số tiền 35.000.000 đồng, bà H viết giấy tổng cộng vợ chồng ông vay 135.000.000 đồng và lần thứ 4 vay vào ngày 29/02/2017 (âm lịch) số tiền 35.000.000 đồng và bà H viết giấy mượn tiền vay tổng số tiền 170.000.000 đồng.

Khi vay tiền, hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả trong giấy mượn tiền mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Về lãi suất, hai bên thỏa thuận 5%/tháng. Còn về thời hạn trả thì hai bên thỏa thuận khi nào bà H lấy lại tiền thì báo cho vợ chồng ông biết trước 01 tháng. Tại thời điểm vay tiền, vợ chồng ông không giao cho bà H giữ giấy tờ gì. Mục đích vợ chồng ông vay tiền của bà H là để kinh doanh mua bán lúa gạo và chăn nuôi heo để kiếm thu nhập, lo chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và việc chạy thận của ông.

Sau khi vay tiền, vợ chồng ông đóng lãi đầy đủ cho bà H với lãi suất

5%/tháng từ ngày vay đến hết ngày 29/12/2018 (âm lịch) đối với số tiền vay gốc tại các lần đóng lãi. Tiền để trả lãi cho bà H từ ngày bắt đầu vay của năm 2015 (dương lịch) đến ngày 29/12/2018 (âm lịch) có nguồn gốc từ tiền vợ chồng ông kinh doanh mua bán lúa, gạo và nuôi heo. Vợ chồng ông trả tiền lãi cho bà H tại Bệnh viện. Thời gian đầu bà H đi cùng ông Đ nên vợ chồng ông trả trực tiếp cho bà H, sau này bà H không đi cùng ông Đ nữa thì vợ chồng ông đưa tiền lãi cho ông Đ. Việc trả tiền lãi, hai bên chỉ giao dịch miệng, không làm giấy tờ.

Về tiền gốc: Ngày 24/11/2017 (dương lịch), vợ chồng ông trả cho bà H số tiền 50.000.000 đồng tại Bệnh viện nhưng không đưa trực tiếp cho bà H mà đưa cho ông Đ vì lúc đó không có mặt bà H, nhưng sau đó ông có điện thoại báo cho bà H biết và bà đồng ý. Ngày 19/12/2018 (dương lịch), ông trả tiếp cho ông Đ số tiền 60.000.000 đồng tại Bệnh viện, lúc này cũng không có mặt bà H và ông có điện thoại báo cho bà H biết. Số tiền gốc 110.000.000 đồng đã trả cho bà H, hai bên cũng không làm giấy tờ, nhưng ông có viết vào sổ giấy của riêng ông, nhưng ông không đưa bà H ký tên. Số tiền này có nguồn gốc từ tiền của con trai út của vợ chồng ông tên Nguyễn Văn C vay của Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình cho vợ chồng ông để trả.

Nay vợ chồng ông không đồng ý trả cho bà H số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng. Vợ chồng ông chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền vay gốc còn nợ lại là 60.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 30/12/2018 (âm lịch), nhằm ngày 04/02/2019 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Cao Thị H. Buộc Ông Nguyễn Văn X và Bà Nguyễn Thị E có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền vay gốc 170.000.000 đồng, không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp

hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại: Tổ 2, ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

* Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của của nguyên đơn – Bà Cao Thị H thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Ông Nguyễn Văn X đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bà Nguyễn Thị E thừa nhận: Vợ chồng ông, bà có vay của bà H số tiền 170.000.000 đồng và ông, bà có ký tên vào giấy mượn tiền ngày 29/02/2017 (âm lịch) do bà H viết. Tuy nhiên, vợ chồng ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà H, vì ông cho rằng, trong số tiền gốc 170.000.000 đồng, vợ chồng ông đã trả cho bà H 110.000.000 đồng gồm 02 lần, lần 01 trả số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 24/11/2017, lần 02 trả số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 19/12/2018. Về tiền lãi thì vợ chồng ông đã đóng đầy đủ cho bà H với mức lãi suất 5%/tháng từ ngày vay đến hết ngày 29/12/2018 (âm lịch) đối với số tiền vay gốc tại các lần đóng lãi. Nay vợ chồng ông chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền vay gốc còn nợ lại là 60.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 30/12/2018 (âm lịch), nhằm ngày 04/02/2019 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/ năm.

[2] Xét thấy, Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2019 (bút lục 41), ông X trình bày: “...Việc trả tiền lãi hàng tháng và trả tiền gốc cho bà H, hai bên chỉ giao dịch bằng miệng, không làm giấy tờ. Riêng tiền gốc thì ông có viết vào sổ giấy của riêng ông nhưng không cho bà H ký tên.

Thu nhập có được từ việc kinh doanh mua bán lúa, gạo và nuôi heo không đủ để cho ông chi phí việc chạy thận, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và trả lãi cho bà H. Nên số tiền vợ chồng ông vay của bà H bị thiếu hụt. Do đó, con trai ông vay Quỹ tín dụng cho ông tiền trả bớt tiền gốc cho bà H”.

[3] Phía bà H không thừa nhận có nhận tiền gốc và lãi của ông X, bà E như ông X trình bày. Tại phiên tòa, ông X cũng chỉ trình bày miệng về việc đã trả trả tiền lãi và gốc cho bà H. Ông X không đưa ra được chứng cứ nào mới để chứng minh cho lời trình bày của ông là có căn cứ.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Cao Thị H.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn X và Bà Nguyễn Thị E không phải chịu do ông X và bà E thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Cao Thị H.

Buộc Ông Nguyễn Văn X và Bà Nguyễn Thị E có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Cao Thị H số tiền vay gốc 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn X và Bà Nguyễn Thị E không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Cao Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000 (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019617 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phượng

